

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm.

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Trần Thị Huệ và bà Võ Thị Thơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ P, sinh năm: 2000. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông Lê Trần Đăng N, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Trần Đăng N tiến tới hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2019 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông N có đam mê cờ bạc, thường xuyên tụ tập bạn bè vui chơi không lo lắng cho gia đình và gây ra nợ nần để bà phải đứng ra gánh trả. Do bản tính còn ham chơi nên ông N không lo lắng, phụ giúp gì bà trong việc quán xuyến gia đình, chăm sóc con cái; bà đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông N vẫn chứng nào tật đó. Vợ chồng sống với nhau nhưng không còn niềm tin, vì vậy bà đã mang theo con nhỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 01/2022 cho đến nay và từ đó đến nay ông N không đoái hoài gì đến mẹ con bà. Quá bất mãn cũng như nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên

bà P đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông N.

- Về nuôi con khi ly hôn: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng Ph, sinh ngày 02/8/2020 đang ở với bà. Bà hiện nay là lao động tự do công việc chính là buôn bán online thu nhập bình quân hàng tháng là 3.000.000 đồng và còn làm các công việc khác như làm hành, làm cá theo mùa vụ. Bà P có nguyện vọng được nuôi cháu Ph, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N được quyền thăm nom con theo pháp luật và nếu sau này bà không có điều kiện nuôi con chung thì ông N được quyền xin thay đổi người nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Trần Đăng N đã được Tòa án Thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tố tụng thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, nhưng ông N cố tình trốn tránh, từ chối tham gia tố tụng; nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho bà Đỗ Thị Mỹ P được ly hôn với ông Lê Trần Đăng N. Về con chung: Giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông N không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà P tự nguyện không yêu cầu. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Trần Đăng N có địa chỉ cư trú tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn và việc nuôi con; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con khi ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Lê Trần Đăng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt lần hai không có lý do; điều này chứng tỏ ông N đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt ông N là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Mỹ P và ông Lê Trần Đăng N là hợp pháp. Sau khi về chung sống do không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân theo bà P trình bày là do ông N đam mê cờ bạc, bản tính còn ham chơi không lo lắng, phụ giúp bà trong việc quán xuyến gia đình, chăm sóc con cái và thường xuyên tụ tập bạn bè vui chơi không lo lắng cho gia đình và gây ra nợ nần để bà phải đứng ra gánh trả. Xác minh về tình trạng hôn nhân của bà P và ông N tại nhà bà Trần Thị N (mẹ chồng bà P) và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp được biết: Quá trình chung sống, vợ chồng bà P, ông N không có chửi bới đánh đập gì nhau. Tuy nhiên, bà N xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau, do bà P không có trách nhiệm với gia đình, không biết cách chăm sóc chu đáo cho chồng và gia đình chồng. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Thực tế tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà P, ông N có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng Ph, sinh ngày 02/8/2020 hiện đang sống với bà P; tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Ph dưới 36 tháng tuổi. Theo qui định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Ph cho bà P trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân là phù hợp theo qui định của pháp luật. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà P tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Mỹ P và ông Lê Trần Đăng N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Mỹ P đối với ông Lê Trần Đăng N.

1. Về quan hệ hôn N: Bà Đỗ Thị Mỹ P được ly hôn với ông Lê Trần Đăng N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Hồng Ph, sinh ngày 02/8/2020 cho bà Đỗ Thị Mỹ P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân). Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà P tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn ông Lê Trần Đăng N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà P và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Khi có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Mỹ P và ông Lê Trần Đăng N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đỗ Thị Mỹ P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006835 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (*bà P đã nộp đủ án phí*).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/8/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
 - VKSND huyện Ninh Hải;
 - CCTHADS huyện Ninh Hải;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Thanh Hải
- (GCNKH số 70 ngày 12/9/2019);
- Lưu HS + Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghiêm